

Bản án số: 423/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/06/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Trung Kiên

Bà Hoàng Thị Kim Yến

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T:* Bà Võ Ngọc Liên Hương - KSV

Ngày 18 tháng 06 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 951/2020/TLST-HNGĐ ngày 12/11/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/06/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường S, phường X, quận T, Tp Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường M, phường L, quận N, Tp Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày: bà và ông Trần Quang N chung sống có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn số 33/2015 ngày 06/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung : Có con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2015

Bà yêu cầu được nuôi trẻ D, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung : Không có

- Về nợ chung : Không có

Bị đơn ông Trần Quang N vắng mặt nên Tòa án không lấy lời khai được.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trên, bị đơn ông Trần Quang N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục, Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về phần nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn đối với ông Trần Quang N có nơi cư trú tại đường S, phường X, quận T, Tp Hồ Chí Minh. Xét việc khởi kiện của bà H phù hợp với qui định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 33/2015 ngày 06/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ giữa bà H và ông N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo bà H trình bày thì vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông N đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập hòa giải nhưng không đến Tòa, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, khả năng hàn gắn vợ chồng không có, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Bà H và ông N có một con chung tên Trần Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2015, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con

Về tài sản chung: bà H khai không có, Hội đồng xét xử không xét

Về nợ chung: bà H khai không có, Hội đồng xét xử không xét

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0068631 ngày 5/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014)

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Quang N.

- Về con chung: Giao con chung tên: Trần Thị Thùy D, sinh ngày 12/7/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần Quang N vì bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: bà H khai không có .

- Về nợ chung: bà H khai không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0068631 ngày 5/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. T;
- THADS Q. T;
- UBND phường X, quận T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Hồng Vân

